

Số: /BC-UBND
(DỰ THẢO)

Tủa Chùa, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

PHẦN THỨ NHẤT:

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

Năm 2023 là năm có nhiều chương trình, dự án lớn bắt đầu triển khai thực hiện sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư, là năm huyện được giao vốn đầu tư công lớn, với mức vốn tăng 67,82% so với năm 2022. Tuy còn một số khó khăn, vướng mắc nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân huyện, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sát sao đồng bộ của Ủy ban nhân dân huyện, Kế hoạch đầu tư công năm 2023 đã đạt được một số kết quả tích cực, qua đó rút ra được một số bài học kinh nghiệm để xây dựng và triển khai tốt hơn Kế hoạch đầu tư công các năm tiếp theo góp phần thực hiện hoàn thành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công 10 tháng đầu năm 2023, UBND huyện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

Tổng số kế hoạch vốn đầu tư công được giao trong năm 2023: 326.238,3 triệu đồng; thực hiện giải ngân đến ngày 20/11/2023: 220.890,383 triệu đồng, đạt 67,71% kế hoạch vốn giao; ước thực hiện cả năm 2023: 326.238,3 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao, chi tiết cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương:

1.1. Vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý:

Kế hoạch vốn giao 13.000 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 13.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.2. Vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý:

Kế hoạch vốn giao năm 2023: 17.503 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 15.517,631 triệu đồng, đạt 88,66% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến 31/01/2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2. Vốn ngân sách Trung ương:

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 177.073 triệu đồng, giải ngân đến ngày 20/11/2023: 135.088,40 triệu đồng, đạt 76,29% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 177.073 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2.1. Chương trình mục tiêu phát triển KT-XH các vùng:

Kế hoạch vốn giao 70.000 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 54.545,583 triệu đồng, đạt 77,92% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 70.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2.2. Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa:

Kế hoạch vốn giao 107.003 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 80.542,820 triệu đồng, đạt 75,27% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 107.003 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2.3. Dự án bảo vệ và phát triển rừng:

Kế hoạch vốn giao 70 triệu đồng, hiện chưa giải ngân; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 70 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3. Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia:

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 118.662 triệu đồng, giải ngân đến ngày 20/11/2023: 57.284,349 triệu đồng, đạt 48,28% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 118.662 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3.1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Kế hoạch vốn giao 49.219 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 13.107,598 triệu đồng, đạt 26,63% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 51.220 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3.2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Kế hoạch vốn giao 19.000 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 17.439,004 triệu đồng, đạt 91,78% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 19.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3.3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Kế hoạch vốn giao 50.443 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 26.737,747 triệu đồng, đạt 53,01% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/01/2024: 50.443 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

(chi tiết như biểu số 01, 02, 03, 04 kèm theo)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2023

Tổng số kế hoạch vốn đầu tư công kéo dài sang năm 2023: 12.541,581 triệu đồng; thực hiện giải ngân đến ngày 20/11/2023: 10.275,275 triệu đồng, đạt 81,93% kế hoạch vốn giao; ước thực hiện cả năm 2023: 12.541,581 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao, chi tiết cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý:

Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023: 3.333,139 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 3.333,139 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023: 9.208,442 triệu đồng, giải ngân đến 20/11/2023: 6.942,136 triệu đồng, đạt 75,39% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 9.208,442 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

(chi tiết như biểu số 01A, 02A, 04A kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Công tác bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 cho các chương trình, dự án, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của HĐND, UBND tỉnh; phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của huyện.

- Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công của UBND huyện được triển khai đồng bộ, quyết liệt, cụ thể với các giải pháp linh hoạt, kịp thời.

- Các công trình dự án đầu tư trên địa bàn khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đã góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, từng bước xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn huyện.

2. Một số khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ giải ngân một số nguồn vốn còn thấp chưa đạt mục tiêu đề ra;

- Một số dự án vừa được điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023, các dự án này đang triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu thi công lên chưa thể giải ngân.

- Chất lượng công tác lập kế hoạch và công tác chuẩn bị đầu tư của một số đơn vị chuyên môn, các chủ đầu tư còn hạn chế, chưa chủ động dẫn đến việc phải hủy bỏ danh mục, điều chỉnh dự án, vốn đầu tư;

3. Giải pháp thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2023

- Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn của các đơn vị, địa phương và các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các đơn vị và các dự án có khả năng tốt hơn;

- Thông qua việc làm tốt công tác tuyên truyền đã giúp cho cán bộ, người dân và đặc biệt là người nghèo hiểu rõ hơn về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc đầu tư, xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn. Người dân được nâng cao về nhận thức, thấy được lợi ích từ các công trình, dự án đầu tư giúp cho thực hiện các hoạt động sản xuất, ổn định đời sống, nâng cao thu nhập để từng bước thoát nghèo;

- Chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công. Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân và kịp thời tháo gỡ khó khăn của từng dự án, đặc biệt là các dự án vướng mắc trong công tác GPMB.

PHẦN THỨ HAI:

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ CÔNG TRONG NĂM 2024

1. Mục tiêu: Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025. Trong đó vốn đầu tư công tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các xã vùng sâu, xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 đạt trên 95%.

2. Định hướng đầu tư công trong năm 2024

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu định hướng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Tòa Chùa và các quy hoạch ngành, lĩnh vực được phê duyệt;

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án quan trọng, trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ và các vùng đặc biệt khó khăn.

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Tổng cộng dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 327.717 triệu đồng bố trí cho 112 chương trình, dự án (dự án thành phần), cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương: Tổng dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 25.009 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 14 chương trình, dự án, trong đó:

1.1. Vốn ngân sách Tỉnh quản lý: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 7.000 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 03 dự án;

1.2. Vốn ngân sách Huyện quản lý: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 18.009 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 11 chương trình, dự án;

2. Vốn ngân sách trung ương: Tổng dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 157.428 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 14 dự án (dự án thành phần), trong đó:

2.1. Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 45.326 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 01 dự án.

2.2. Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 112.102 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 13 dự án thành phần.

3. Các chương trình mục tiêu quốc gia: Tổng dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 145.280 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 84 dự án, trong đó:

3.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 51.197 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 08 dự án.

3.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 14.379 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 12 dự án.

3.3. Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBĐTTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025: Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024: 79.705 triệu đồng thực hiện đầu tư, bố trí cho 64 dự án.

(chi tiết như biểu kèm theo)

4. Giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm của huyện. Tiếp tục đơn giản hóa cao nhất về trình tự, thủ tục, tăng cường giám sát, hậu kiểm, chống thất thoát, lãng phí;

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ, nâng cao chất lượng trong việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đầu tư công. Chấn chỉnh và tăng cường vai trò trách nhiệm quản lý của các cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt;

- Các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn cần nâng cao năng lực quản lý, chất lượng trong công tác lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 của đơn vị theo đúng các quy định về phân bổ, bố trí và sử dụng vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước, để triển khai đảm bảo tiến độ, chất lượng kế hoạch đầu tư công chung của toàn tỉnh;

- Chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hiệu quả việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, thực hiện rà soát điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án chậm tiến độ, các dự án hết nhu cầu giải ngân, chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện;

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao, để tránh việc bị cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn tương ứng với số vốn

không giải ngân hết, không được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân và bị hủy dự toán theo quy định.

Trên đây là báo cáo về việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 của UBND huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lường Tuấn Anh

Biểu mẫu I

**ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VÀ
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2023					KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	TỔNG SỐ	326.238,3	220.890,383	67,71%	326.238,3	100%	1.017.570	327.717	
1	Vốn NSNN	326.238,3	220.890,383	67,71%	326.238,3	100%	1.017.570	327.717	
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	30.503	28.517,631	93%	30.503	100%	116.277	25.009	
	<i>Trong đó:</i>								
-	Ngân sách Tỉnh quản lý	13.000	13.000	100%	13.000	100%	35.000	7.000	
-	Ngân sách Huyện quản lý	17.503	15.517,631	88,66%	17.503	100%	81.277	18.009	
1.2	Vốn ngân sách trung ương	177.073	135.088,40	76,29%	177.073,30	100%	438.895	157.428	
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng	70.000	54.545,583	77,92%	70.000	100%	183.000	45.326	
-	Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa	107.003	80.542,820	75,27%	107.003	100%	255.295	112.102	
-	Dự án bảo vệ và phát triển rừng	70,0	-	0%	70,0	100%	600	-	
1.3	Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia	118.662	57.284,349	48,28%	118.662	100%	462.398	145.280	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	49.219	13.107,598	26,63%	49.219	100%	163.500	51.197	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	19.000	17.439,004	91,78%	19.000	100%	46.430	14.379	

STT	Nguồn vốn	Năm 2023					KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024			
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	50.443	26.737,747	53,01%	50.443	100%	252.468	79.705	

Biểu số 01A

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI GIẢI NGÂN TỪ NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022 được phép kéo dài sang năm 2023					Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
	TỔNG SỐ	12.541,581	10.275,275	81,93%	12.541,581	100%	
1	Vốn NSNN	12.541,581	10.275,275	81,93%	12.541,581	100%	
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	3.333,139	3.333,139	100%	3.333,139	100%	
	<i>Trong đó:</i>						
-	Ngân sách Tỉnh quản lý						
-	Ngân sách Huyện quản lý	3.333,139	3.333,139	100%	3.333,139	100%	
1.2	Vốn ngân sách trung ương						
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng						
-	Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa						
-	Dự án bảo vệ và phát triển rừng						
1.3	Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia	9.208,442	6.942,136	75,39%	9.208,442	100%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	9.208,442	6.942,136	75,39%	9.208,442	100%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						

Biểu mẫu II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư											Năm 2023						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24						
	TỔNG SỐ						275.189	116.277	30.503	30.503	28.518	28.518	93%	30.503	30.503	100%	56.251	56.251	116.277	56.251	25.009	25.009							
	A CẤP TỈNH QUẢN LÝ						62.390	35.000	13.000	13.000	13.000	13.000	100%	13.000	13.000	100%	18.000	18.000	35.000	18.000	7.000	7.000							
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023						62.390	35.000	13.000	13.000	13.000	13.000	100%	13.000	13.000	100%	18.000	18.000	35.000	18.000	7.000	7.000							
1	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	C	Xã Mường Đun		2021-2023	3227 ngày 14/12/2021	22.400	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	100%	5.000	5.000	100%	5.000	5.000	20.000	5.000	5.000	5.000							
2	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3140 ngày 30/11/2021	25.000	10.000	4.000	4.000	4.000	4.000	100%	4.000	4.000	100%	9.000	9.000	10.000	9.000	1.000	1.000							
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3228 ngày 14/12/2021	14.990	5.000	4.000	4.000	4.000	4.000	100%	4.000	4.000	100%	4.000	4.000	5.000	4.000	1.000	1.000							
	B CẤP HUYỆN QUẢN LÝ						212.799	81.277	17.503	17.503	15.518	15.518	89%	17.503	17.503	100%	38.251	38.251	81.277	38.251	18.009	18.009							
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023						81.380	46.380	17.503	17.503	15.518	15.518	89%	17.503	17.503	100%	38.251	38.251	46.380	38.251	7.129	7.129							
1	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	C	Xã Mường Đun		2021-2023	3227 ngày 14/12/2021	22.400	2.400	-	-	-	-		-	-		500	500	2.400	500	1.900	1.900							
2	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3140 ngày 30/11/2021	25.000	15.000	6.000	6.000	6.000	6.000	100%	6.000	6.000	100%	12.149	12.149	15.000	12.149	2.851	2.851							
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3228 ngày 14/12/2021	14.990	9.990	3.702	3.702	2.005,436	2.005,436	54,17%	3.702	3.702	100%	7.612	7.612	9.990	7.612	2.378	2.378							
4	Trường mầm non Thị trấn Tủa Chùa (Giai đoạn 2)	C	Thị trấn		2021-2022	550 ngày 08/6/2021	14.990	14.990	6.801	6.801	6.793,731	6.793,731	100%	6.801	6.801	100%	13.990	13.990	14.990	13.990									
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa đến năm 2035	C	Thị trấn		2021-2023	1910 ngày 20/10/2021	4.000	4.000	1.000	1.000	718,464	718,464	71,85%	1.000	1.000	100%	4.000	4.000	4.000	4.000									
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						25.662	5.640	-	-	-	-		-	-		-	-	5.640	-	3.200	3.200							
1	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sớ, xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa	C	Xã Huổi Sớ		2023-2025	1458 ngày 11/9/2023	25.662	5.640											5.640		3.200	3.200	Dự án đối ứng vốn CTMTQG (ĐBĐTTS)						
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2024						10.860	10.860	-	-	-	-		-	-		-	-	10.860	-	6.300	6.300							
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà tập luyện và thi đấu, Trung tâm Hội nghị huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn Tủa Chùa		2024-2025		6.860	6.860											6.860		4.000	4.000							
2	Đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện tổng hợp của huyện	C	Huyện Tủa Chùa		2024-2025		4.000	4.000											4.000		2.300	2.300							
(4)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2024						94.897	18.397	-	-	-	-		-	-		-	-	18.397	-	580	580							
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND và UBND xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2024-2025		7.000	7.000											7.000		100	100	Dự án đối ứng vốn CTMTQG (ĐBĐTTS)						

Biểu số 02A

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI GIẢI NGÂN TỪ NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022 được phép kéo dài sang năm 2023								Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ						39.990	24.990	3.333,139	3.333,139	3.333,139	3.333,139	100%	3.333,139	3.333,139	100%	
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ						39.990	24.990	3.333,139	3.333,139	3.333,139	3.333,139	100%	3.333,139	3.333,139	100%	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023						39.990	24.990	3.333,139	3.333,139	3.333,139	3.333,139	100%	3.333,139	3.333,139	100%	
1	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3140 ngày 30/11/2021	25.000	15.000	1.383,139	1.383,139	1.383,139	1.383,139	100%	1.383,139	1.383,139	100%	
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3228 ngày 14/12/2021	14.990	9.990	1.950	1.950	1.950	1.950	100%	1.950	1.950	100%	

Biểu mẫu III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023										Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022.	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24				
	TỔNG SỐ						438.895	438.895	177.073	177.073	135.088	135.088	76,29%	177.073	177.073	100%	242.273	242.273	438.895	242.273	157.428	157.428					
A	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng						183.000	183.000	70.000	70.000	54.546	54.546	77,92%	70.000	70.000	100%	135.000	135.000	183.000	135.000	45.326	45.326					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						183.000	183.000	70.000	70.000	54.546	54.546	77,92%	70.000	70.000	100%	135.000	135.000	183.000	135.000	45.326	45.326					
1	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sinh Phìn - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	B	Thị trấn, Sinh		2021-2024	976 ngày 30/5/2021	183.000	183.000	70.000	70.000	54.545,583	54.545,583	77,92%	70.000	70.000	100%	135.000	135.000	183.000	135.000	45.326	45.326					
B	Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa						255.295	255.295	107.003	107.003	80.543	80.543	75,27%	107.003	107.003	100%	107.003	107.003	255.295	107.003	112.102	112.102					
1	Đường giao thông khu tái định cư Huổi Lực, thị trấn Tủa Chùa	C	Thị trấn		2023-2025	2104 ngày 14/11/202	6.800	6.800	4.377	4.377	4.040	4.040	92,30%	4.377	4.377	100%	4.377	4.377	6.800	4.377	1.981	1.981					
2	Đường sản xuất diêm dân cư Huổi Trắng (Đường ra khu sản xuất Huổi Trắng), xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	892 ngày 11/5/2022	9.692	9.692	6.238	6.238	5.596,066	5.596,066	89,72%	6.238	6.238	100%	6.238	6.238	9.692	6.238	3.169	3.169					
3	Đường giao thông nội bản Khu tái định cư Tả Huổi Trắng - Tả Sĩ Láng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	2021 ngày 03/11/2022	6.000	6.000	5.400	5.400	1.793	1.793,408	33,21%	5.400	5.400	100%	5.400	5.400	6.000	5.400	360	360					
4	Đường giao thông nội bản khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Sỏ	C	Xã Huổi Sỏ		2023-2025	1887 ngày 11/10/202	11.200	11.200	7.240	7.240	2.240	2.240	30,94%	7.240	7.240	100%	7.240	7.240	11.200	7.240	3.562	3.562					
5	Đường Đê Chu - Tủa Thàng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	2166 ngày 25/11/202	46.000	46.000	14.200	14.200	10.669,836	10.669,836	75,14%	14.200	14.200	100%	14.200	14.200	46.000	14.200	20.000	20.000					
6	Đường Tả Sĩ Láng - Pắc Na, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	592 ngày 23/4/2021	28.000	28.000	8.100	8.100	8.091,123	8.091,123	99,89%	8.100	8.100	100%	8.100	8.100	28.000	8.100	19.441	19.441					
7	Đường UBND xã Huổi Sỏ - khu ĐC Huổi Lóng, xã Huổi Sỏ	C	Xã Huổi Sỏ		2023-2025	2167 ngày 25/11/202	21.500	21.500	6.300	6.300	5.290,000	5.290	83,97%	6.300	6.300	100%	6.300	6.300	21.500	6.300	15.040	15.040					
8	Thuỷ lợi Huổi Trắng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	813 ngày 27/5/2021	3.000	3.000	2.700	2.700	895,230	895,23	33,16%	2.700	2.700	100%	2.700	2.700	3.000	2.700	33	33					
9	Cấp nước sinh hoạt diêm tái định cư Tả Sĩ Láng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	759 ngày 20/5/2021	1.600	1.600	1.514	1.514	1.397,630	1.397,630	92,31%	1.514	1.514	100%	1.514	1.514	1.600	1.514	-	-					
10	Cấp nước sinh hoạt diêm dân cư số 4, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	2199 ngày 30/11/202	2.462	2.462	2.084	2.084	1.908,670	1.908,670	91,59%	2.084	2.084	100%	2.084	2.084	2.462	2.084	-	-					
11	Đường giao thông Tả Phìn - Huổi Sỏ - Sóng Đà	C	Các xã: Tả Phìn, Huổi Sỏ		2023-2025	2168 ngày 25/11/2022	93.900	93.900	30.780	30.780	30.367,267	30.367,267	98,66%	30.780	30.780	100%	30.780	30.780	93.900	30.780	43.120	43.120					

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022.	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW											
12	Đường giao thông Huồi Sớ - Háng Pàng - Páo Tinh Làng xã Tả Sìn Thàng	C	Xã Tả Sìn Thàng		2023-2025	2170 ngày 25/11/2022	7.000	7.000	4.100	4.100	2.100,000	2.100	51,22%	4.100	4.100	100%	4.100	4.100	7.000	4.100	2.160	2.160	
13	Đường giao thông Huồi Lóng đến thôn Huồi Ca, xã Huồi Sớ	C	Xã Huồi Sớ		2023-2025	894 ngày 11/5/2022	6.200	6.200	3.600	3.600	1.000	1.000	27,78%	3.600	3.600	100%	3.600	3.600	6.200	3.600	2.417	2.417	
14	Đường sản xuất cụm dân cư Tả Si Láng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	891 ngày 11/5/2022	3.431	3.431	3.088	3.088	1.188	1.187,589	38,46%	3.088	3.088	100%	3.088	3.088	3.431	3.088	333	333	
15	Thủy lợi bản Làng Giang, xã Sìn Chải	C	Xã Sìn Chải		2023-2025	737 ngày 17/5/2021	5.000	5.000	4.500	4.500	2.948	2.948,067	65,51%	4.500	4.500	100%	4.500	4.500	5.000	4.500	485	485	
16	Cấp nước sinh hoạt cụm Pa Phòng thuộc khu tái định cư Huồi Lóng, xã Huồi Sớ	C	Xã Huồi Sớ		2023-2025	693 ngày 11/5/2022	560	560	517	517	477	477,268	92,31%	517	517	100%	517	517	560	517	-		
17	Cấp nước sinh hoạt thôn Huồi Ca thuộc khu tái định cư Huồi Lóng, xã Huồi Sớ	C	Xã Huồi Sớ		2023-2025	820 ngày 27/5/2021	1.900	1.900	1.388	1.388	459	458,837	33,06%	1.388	1.388	100%	1.388	1.388	1.900	1.388	-		
18	Cấp nước sinh hoạt điểm bản Làng Giang, xã Sìn Chải	C	Xã Sìn Chải		2023-2025	738 ngày 17/5/2021	1.050	1.050	878	878	81,829	81,829	9,32%	878	878	100%	878	878	1.050	878	-		
C	Dự án bảo vệ và phát triển rừng						600	600	70	70	0	0	0%	70	70	100%	270	270	600	270	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						600	600	70	70	0	0	0%	70	70	100%	270	270	600	270			
1	Phát triển lâm sản ngoài gỗ		Huyện Tủa Chùa		2022-2024	945 ngày 28/5/2021	600	600	70	70	0	0	0%	70	70	100%	270	270	600	270			

Biểu mẫu IV

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023										Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
	TỔNG SỐ						469.259	462.619	118.662	118.662	57.284	57.284	48,28%	118.662	118.662	100%	196.418	196.418	462.398	196.654	146.280	141.280		
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025						163.500	163.500	49.219	49.219	13.108	13.108	26,63%	49.219	49.219	100%	95.241	95.241	163.500	95.241	51.197	51.197		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023						115.000	115.000	38.060	38.060	11.725	11.725	30,81%	38.060	38.060	100%	84.082	84.082	115.000	84.082	26.642	26.642		
1	Đường giao thông bến thủy Huổi Trảng, Huổi Sô, Mường Lay	C	Xã Tủa Thàng		2022-2023	1412 ngày 13/8/2022	30.000	30.000	5.080	5.080	4445,526	4445,526	87,51%	5.080	5.080	100%	7.081	7.081	30.000	7.081	18.000	18.000		
2	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Đê Đê Hu - Sinh Phình	C	Thị trấn, xã Sinh Phình		2022-2023	1413 ngày 13/8/2022	20.000	20.000	5.980	5.980	3.511,618	3.511,618	58,72%	5.980	5.980	100%	19.001	19.001	20.000	19.001	964	964		
3	Sân Vận động Huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2022-2023	1415 ngày 13/8/2022	35.000	35.000	12.000	12.000	2.614,766	2.614,766	21,79%	12.000	12.000	100%	29.000	29.000	35.000	29.000	6.936	6.936		
4	Tuyến đường Tả Sin Thàng - Páo Tinh Làng - Sáng Tở đi Sín Chải, Huổi Sô	C	Các xã Tả Xin Thàng, Sín Chải		2022-2023	1414 ngày 13/8/2022	30.000	30.000	15.000	15.000	1.152,871	1.152,871	7,69%	15.000	15.000	100%	29.000	29.000	30.000	29.000	742	742		
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						48.500	48.500	11.159	11.159	1.382,817	1.382,817	12,39%	11.159	11.159	100%	11.159	11.159	48.500	11.159	24.555	24.555		
1	Nâng cấp tuyến đường Pàng Đê (Xá Nhè) - Phình Sáng, Tuần Giáo	C	Xã Xá Nhè		2023-2025	1000 ngày 21/6/2023	18.000	18.000	2.500	2.500	382,817	382,817	15,31%	2.500	2.500	100%	2.500	2.500	18.000	2.500	5.555	5.555		
2	Nâng cấp tuyến đường Lầu Câu Phình (xã Lao Xã Phình) - Làng Sáng (xã Tả Sin Thàng)	C	Các xã Lao Xã Phình, Tả Sin Thàng		2023-2025	2952 ngày 06/12/2022	8.500	8.500	2.600	2.600	300	300	11,54%	2.600	2.600	100%	2.600	2.600	8.500	2.600	5.000	5.000		
3	Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đụn	C	Các xã Xá Nhè, Mường Đụn		2023-2025	2953 ngày 06/12/2022	14.000	14.000	3.859	3.859	400	400	10,37%	3.859	3.859	100%	3.859	3.859	14.000	3.859	9.000	9.000		
4	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tả Phìn, Tả Sin Thàng và các bản lân cận	C	Các xã Tả Phìn, Tả Sin Thàng		2023-2025	2954 ngày 06/12/2022	8.000	8.000	2.200	2.200	300	300	13,64%	2.200	2.200	100%	2.200	2.200	8.000	2.200	5.000	5.000		
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						47.430	46.430	19.000	19.000	17.439	17.439	91,78%	19.000	19.000	100%	19.000	19.000	46.430	19.000	15.379	14.379		
(1)	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2023						23.000	23.000	19.000	19.000	17.439,004	17.439,004	91,78%	19.000	19.000	100%	19.000	19.000	23.000	19.000	2.940	2.940		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024									Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	Nâng cấp đường liên thôn từ Kê Cai - Từ Ngài 2 - Từ Ngài 1 - Háng Trờ	C	Xã Mường Báng		2023-2024	2955 ngày 06/12/2022	14.000	14.000	13.264	13.264	13.263,236	13.263,236	99,99%	13.264	13.264	100%	13.264	13.264	14.000	13.264			
2	Nâng cấp đường liên thôn Đông Phi - Háng Tư Mang, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2023-2024	2956 ngày 06/12/2022	4.500	4.500	4.176	4.176	4.175,768	4.175,768	99,99%	4.176	4.176	100%	4.176	4.176	4.500	4.176			
3	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Sung Ún, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2023-2024	2755 ngày 29/9/2023	2.000	2.000	1.060	1.060	-	-	0%	1.060	1.060	100%	1.060	1.060	2.000	1.060	940	940	
4	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Phai Tung, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2023-2024	2901 ngày 19/10/2023	2.500	2.500	500	500	-	-	0%	500	500	100%	500	500	2.500	500	2.000	2.000	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2024						22.930	22.930										22.930		10.939	10.939		
1	Nâng cấp đường đi khu sản xuất thôn Từ Ngài 1, 2 xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		2.430	2.430											2.430		1.215	1.215	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ra khu sản xuất thôn Tiên Phong, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		5.000	5.000											5.000		2.500	2.500	
3	Nước sinh hoạt thôn Pú Ôn, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		3.000	3.000											3.000		1.500	1.500	
4	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn cụm 1 thôn Pú Ôn, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		2.500	2.500											2.500		1.250	1.250	Đang hoàn thiện HS
5	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt thôn Long Hung và khu trung tâm hành chính xã mới	C	Xã Mường Báng		2024-2025		3.447	3.447											3.447		1.724	1.724	
6	Nước sinh hoạt thôn Háng Chờ, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		1.500	1.500											1.500		750	750	
7	Nước sinh hoạt thôn Nà Áng, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		3.000	3.000											3.000		1.000	1.000	
8	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt thôn Kê Cai, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		2.053	2.053											2.053		1.000	1.000	
(3)	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn CTMTQG nông thôn mới, huyện Tủa Chùa						1.500	500											500		1.500	500	
*	Hợp tác xã cà gai leo Tủa Chùa						1.000	300											300		1.000	300	
1	Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói, xưởng sơ chế - chế biến	C	Xã Mường Báng		2024		1.000	300											300		1.000	300	
*	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Mường Đun						500	200											200		500	200	
1	Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến	C	Xã Mường Đun		2024		500	200											200		500	200	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023							Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
C	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI						258.329	252.689	50.443	50.443	26.738	26.738	53,01%	50.443	50.443	100%	82.177	82.177	252.468	82.413	79.705	75.705	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						61.043	61.043	29.088	29.088	16.945,854	16.945,854	58,26%	29.088	29.088	100%	60.822	60.822	60.822	60.822	112	112	
1	Đường trung tâm xã Mường Đùn - Bàn Hột	C	Xã Mường Đùn		2022-2023	235 ngày 08/2/2022	14.990	14.990	7.436	7.436	1.480,543	1.480,543	19,91%	7.436	7.436	100%	14.990	14.990	14.990	14.990			
2	Tuyến đường từ Sinh Phình - Trung Thu - Lao Xã Phình - Tả Sín Thàng (Trung tâm xã Trung Thu đi Bàn Phó - Cánh Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Trung Thu, Lao Xã Phình		2022-2023	3229 ngày 14/12/2021	20.000	20.000	9.820	9.820	4.893,945	4.893,945	49,84%	9.820	9.820	100%	20.000	20.000	20.000	20.000			
3	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2022-2023	3363 ngày 30/12/2021	12.853	12.853	5.739	5.739	5.168,466	5.168,466	90,06%	5.739	5.739	100%	12.739	12.739	12.739	12.739	56	56	
4	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sinh Phình	C	Xã Sinh Phình		2022-2023	3363 ngày 30/12/2021	13.200	13.200	6.093	6.093	5.402,900	5.402,900	88,67%	6.093	6.093	100%	13.093	13.093	13.093	13.093	56	56	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2023						30.408	30.408	20.705	20.705	9.792	9.792	47,29%	20.705	20.705	100%	20.705	20.705	30.408	20.941	9.088	9.088	
1	Nước sinh hoạt thôn 3, xã Lao Xã Phình, huyện Tủa Chùa	C	Xã Lao Xã Phình		2022-2023	2939 ngày 06/12/2022	2.600	2.600	2.499	2.499	2.489,835	2.489,835	99,63%	2.499	2.499	100%	2.499	2.499	2.600	2.600			
2	Chợ Huổi Lóng xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2022-2023	2949 ngày 06/12/2022	2.600	2.600	2.465	2.465	2.464,007	2.464,007	99,96%	2.465	2.465	100%	2.465	2.465	2.600	2.600			
3	Đường Nhù Pông Chua đi thôn 3 xã Sinh Phình	C	Xã Sinh Phình		2023-2024	2945 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	2.996	2.996	1.013,412	1.013,412	33,83%	2.996	2.996	100%	2.996	2.996	4.000	2.996	1.004	1.004	
4	Mở mới tuyến đường từ Đờ Ấng Đàng đi thôn Phiêng Páng, xã Sinh Phình	C	Xã Sinh Phình		2023-2024	2946 ngày 06/12/2022	3.823	3.823	2.110	2.110	1.186,250	1.186,250	56,22%	2.110	2.110	100%	2.110	2.110	3.823	2.110	1.713	1.713	
5	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nà Sa từ ông Thảo A Lừ đến nhà ông Giảng A Hang, xã Tả Phìn	C	Xã Tả Phìn		2023-2024	2947 ngày 06/12/2022	4.335	4.335	2.535	2.535	1.143,747	1.143,747	45,12%	2.535	2.535	100%	2.535	2.535	4.335	2.535	1.800	1.800	
6	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - thông Háng Là, xã Sín Chải	C	Xã Sín Chải		2023-2024	2948 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	3.000	3.000	1.167,874	1.167,874	38,93%	3.000	3.000	100%	3.000	3.000	4.000	3.000	950	950	
7	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học và THCS Lao Xã Phình, xã Lao Xã Phình	C	Xã Lao Xã Phình		2023-2024	2950 ngày 06/12/2022	4.525	4.525	2.500	2.500	22,280	22,280	0,89%	2.500	2.500	100%	2.500	2.500	4.525	2.500	1.744	1.744	
8	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tả Phìn	C	Xã Tả Phìn		2023-2024	2951 ngày 06/12/2022	4.525	4.525	2.600	2.600	304,488	304,488	11,71%	2.600	2.600	100%	2.600	2.600	4.525	2.600	1.877	1.877	
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						45.540	39.900	650	650			0%	650	650	100%	650	650	39.900	650	21.500	17.500	
1	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sớ, xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa	C	Xã Huổi Sớ		2023-2025	1458 ngày 11/9/2023	25.662	20.022	650	650			0%	650	650	100%	650	650	20.022	650	14.000	10.000	
2	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Huổi sớ, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2023-2024	2940 ngày 06/12/2022	9.373	9.373									-	-	9.373	-	3.000	3.000	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024									Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
3	Cấp nước sinh hoạt bản Huổi só, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2023-2024	2941 ngày 06/12/2022	2.335	2.335									-	-	2.335	-	1.000	1.000	
4	Thoát nước thải, vệ sinh môi trường bản Huổi só, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2023-2024	2942 ngày 06/12/2022	1.830	1.830									-	-	1.830	-	1.000	1.000	
5	Cấp điện sinh hoạt bản Huổi só, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2023-2024	2943 ngày 06/12/2022	4.060	4.060									-	-	4.060	-	1.500	1.500	
6	Hạ tầng thông tin và truyền thông bản Huổi só, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2023-2024	2944 ngày 06/12/2022	2.280	2.280									-	-	2.280	-	1.000	1.000	
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2024						121.338	121.338	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	121.338	-	49.005	49.005	
1	Nước sinh hoạt Phía Đê, thôn Pô Ca Dao, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	C	Xã Trung Thu		2024-2025		2.000	2.000											2.000		1.000	1.000	
2	Nước sinh hoạt trung tâm xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2024-2025		2.000	2.000											2.000		1.000	1.000	
3	Nước sinh hoạt thôn Trung Gầu Bua, xã Sín Chải, huyện Tủa Chùa	C	Xã Sín Chải		2024-2025		2.163	2.163											2.163		1.000	1.000	
4	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nậm Bành, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2024-2025		2.300	2.300											2.300		1.000	1.000	
5	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Hồng Ngải, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2024-2025		3.000	3.000											3.000		1.500	1.500	
6	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Tu Cha, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2024-2025		1.500	1.500											1.500		750	750	
7	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Đê Tàu (nhánh từ nhà ông Sùng A Xã đến nhà ông Khu), xã Mường Đùn	C	Xã Mường Đùn		2024-2025		2.500	2.500											2.500		1.000	1.000	Đang hoàn thiện HS
8	Xây mới nhà văn hóa Bản Đùn, xã Mường Đùn	C	Xã Mường Đùn		2024-2025		1.000	1.000											1.000		950	950	
9	Xây mới nhà Văn hóa bản Nà Xa, xã Mường Đùn	C	Xã Mường Đùn		2024-2025		1.000	1.000											1.000		950	950	
10	Xây mới nhà văn hóa Đùn Nưa, xã Mường Đùn	C	Xã Mường Đùn		2024-2025		1.000	1.000											1.000		950	950	
11	Nâng cấp tuyến đường đi ra khu sản xuất thôn Đê Tàu, xã Mường Đùn	C	Xã Mường Đùn		2024-2025		3.200	3.200											3.200		1.000	1.000	
12	Đường nội thôn bản Túc, xã Mường Đùn	C	Xã Mường Đùn		2024-2025		3.595	3.595											3.595		1.500	1.500	
13	Đường giao thông nội thôn Tà Huổi Tráng 1, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2024-2025		2.500	2.500											2.500		1.000	1.000	Đang hoàn thiện HS
14	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Tà Huổi Tráng 1 đến cánh đồng thôn Tà Huổi Tráng 2, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2024-2025		1.000	1.000											1.000		500	500	Đang hoàn thiện HS

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023							Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
15	Mở mới tuyến đường giao thông nội đồng thôn Phi Giàng 1, xã Tủa Thàng (Từ Chẽ Ca Trung Phi Làng đi Mang Cua Chẽ)	C	Xã Tủa Thàng		2024-2025		4.000	4.000										4.000		1.000	1.000		
16	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Trung Thu (Từ đầu nguồn nước thôn Trung Thu qua hội tét đến trụ sở xã)	C	Xã Trung Thu		2024-2025		1.000	1.000										1.000		500	500		
17	Nâng cấp tuyến đường nội thôn. Thôn Đê Bầu đi đến trục đường chính Vang Chùa, xã Trung Thu	C	Xã Trung Thu		2024-2025		3.500	3.500										3.500		1.000	1.000		
18	Xây mới nhà Văn hóa thôn Đê Ca Hồ, xã Trung Thu	C	Xã Trung Thu		2024-2025		1.000	1.000										1.000		500	500		
19	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội thôn Háng Cu Tầu, xã Trung Thu	C	Xã Trung Thu		2024-2025		3.500	3.500										3.500		1.500	1.500	Đang hoàn thiện HS	
20	Đường nội thôn Pàng Dề A, xã Xá Nhè	C	Xã Xá Nhè		2024-2025		1.700	1.700										1.700		800	800	Đang hoàn thiện HS	
21	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Bàn He, xã Xá Nhè	C	Xã Xá Nhè		2024-2025		1.700	1.700										1.700		800	800	Đang hoàn thiện HS	
22	Nâng cấp tuyến đường ra khu sản xuất thôn Trung Dù, xã Xá Nhè	C	Xã Xá Nhè		2024-2025		1.800	1.800										1.800		900	900		
23	Đường vào khu sản xuất thôn Tinh B, xã Xá Nhè	C	Xã Xá Nhè		2024-2025		1.600	1.600										1.600		800	800		
24	Mở mới tuyến đường từ Tà Dung vào khu sản xuất Chớ Tinh 3, xã Tả Phìn	C	Xã Tả Phìn		2024-2025		4.000	4.000										4.000		1.500	1.500		
25	Nâng cấp tuyến đường giao thông công thôn văn hóa thôn 3 đến nhà ông Ly Sáu Thanh, xã Lao Xá Phình	C	Xã Lao Xá Phình		2024-2025		3.000	3.000										3.000		1.000	1.000	Đang hoàn thiện HS	
26	Nâng cấp đường từ nhà ông Ly A Dề ra khu sản xuất Táng Tồ thôn 1 xã Lao Xá Phình	C	Xã Lao Xá Phình		2024-2025		3.000	3.000										3.000		1.000	1.000	Đang hoàn thiện HS	
27	Nâng cấp tuyến đường từ Đới Khố Si đi Làng Sáng 2, xã Tả Sin Thàng	C	Xã Tả Sin Thàng		2024-2025		1.500	1.500										1.500		750	750	Đang hoàn thiện HS	
28	Đường Làng Sáng 1 - Háng Dao Cang, xã Tả Sin Thàng	C	Xã Tả Sin Thàng		2024-2025		2.500	2.500										2.500		1.000	1.000		
29	Đường giao thông nội thôn Quyết Tiến, thị trấn Tủa Chùa	C	Thị trấn		2024-2025		1.000	1.000										1.000		500	500	Đang hoàn thiện HS	
30	Nhà văn hóa thôn Nậm Bành, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2024-2025		1.500	1.500										1.500		750	750		
31	Nhà văn hóa thôn 2, xã Huổi Sớ	C	Xã Huổi Sớ		2024-2025		1.500	1.500										1.500		750	750		
32	Nhà Văn hóa thôn Bàn Phó, xã Trung Thu	C	Xã Trung Thu		2024-2025		1.300	1.300										1.300		650	650		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
33	Nhà văn hóa thôn Pô Ca Dao, xã Trung Thu	C	Xã Trung Thu		2024-2025		1.300	1.300										1.300		650	650	
34	Đường ra khu sản xuất thôn Đề Bấu, xã Trung Thu	C	Xã Trung Thu		2024-2025		1.300	1.300										1.300		650	650	Đang hoàn thiện HS
35	Đường nội thôn Phi Dinh, xã Sinh Phình	C	Xã Sinh Phình		2024-2025		1.500	1.500										1.500		650	650	
36	Đường ra khu sản xuất thôn Vàng Chua, xã Sinh phình	C	Xã Sinh Phình		2024-2025		1.500	1.500										1.500		650	650	
37	Nhà Văn hóa thôn Tà Lão Cáo	C	Xã Sinh Phình		2024-2025		1.500	1.500										1.500		650	650	
38	Cầu qua suối cạn thôn Tà Phìn nối giữa đường trục thôn và đường vào Trường Tiểu học Tà Phìn, xã Tà Phìn	C	Xã Tà Phìn		2024-2025		1.500	1.500										1.500		650	650	
39	Nâng cấp tuyến kênh thôn Háng Sung 2, xã Tà Phìn	C	Xã Tà Phìn		2024-2025		1.500	1.500										1.500		650	650	
40	Nâng đường nội thôn Háng Tơ Mang, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		1.500	1.500										1.500		650	650	Đang hoàn thiện HS
41	Đường nội thôn Pú Ôn, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		1.500	1.500										1.500		650	650	
42	Công trình thủy lợi thôn Phiêng Bung, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2024-2025		1.500	1.500										1.500		750	750	Đang hoàn thiện HS
43	Nâng cấp đường nội thôn Tủa Thàng từ nhà ông Giàng sáu Cha đến nhà ông Thảo A Súa, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2024-2025		1.982	1.982										1.982		900	900	Đang hoàn thiện HS
44	Nâng cấp tuyến đường từ Háng Sùa đi Tà Dê, xã Tả Sin Thàng	C	Xã Tả Sin Thàng		2024-2025		5.500	5.500										5.500		2.000	2.000	Đang hoàn thiện HS
45	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Trung Thu	C	Xã Trung Thu		2024-2025		6.484	6.484										6.484		2.000	2.000	
46	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Mường Đụn	C	Xã Mường Đụn		2024-2025		8.356	8.356										8.356		2.000	2.000	
47	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học Xá Nhè, xã Xá Nhè	C	Xã Xá Nhè		2024-2025		2.516	2.516										2.516		1.000	1.000	
48	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học Tả Sin Thàng, xã Tả Sin Thàng	C	Xã Tả Sin Thàng		2024-2025		4.525	4.525										4.525		1.500	1.500	
49	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sin Chải	C	Xã Sin Chải		2024-2025		5.328	5.328										5.328		2.000	2.000	
50	Cơ sở hạ tầng Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		Huyện Tủa Chùa		2024-2025		4.190	4.190										4.190		1.205	1.205	

Biểu số 04A

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI GIẢI NGÂN TỪ NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022 được phép kéo dài sang năm 2023									Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 20/11/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tỷ lệ giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ						99.990	99.990	9.208,442	9.208,442	6.942,136	6.942,136	75,39%	9.208,442	9.208,442	100%	
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025						99.990	99.990	9.208,442	9.208,442	6.942,136	6.942,136	75,39%	9.208,442	9.208,442	100%	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023						99.990	99.990	9.208,442	9.208,442	6.942,136	6.942,136	75,39%	9.208,442	9.208,442	100%	
1	Đường giao thông bên thùy Huổi Trảng, Huổi Sớ, Mường Lay	C	Xã Tủa Thành Thị		2022-2023	1412 ngày 13/8/2022	30.000	30.000	1.518,579	1.518,579	153,472	153,472	10,11%	1.518,579	1.518,579	100%	
2	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Đê Dê Hu - Sính Phình	C	thị trấn, xã Sính Phình		2022-2023	1413 ngày 13/8/2022	20.000	20.000	1.184,213	1.184,213	1.184,213	1.184,213	100%	1.184,213	1.184,213	100%	
3	Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	C	Xã Trung Thu		2022-2023	1867 ngày 10/8/2022 của UBND huyện	14.990	14.990	5.382,505	5.382,505	4.481,306	4.481,306	83,26%	5.382,505	5.382,505	100%	
4	Sân Vận động Huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2022-2023	1415 ngày 13/8/2022	35.000	35.000	1.123,145	1.123,145	1.123,145	1.123,145	100%	1.123,145	1.123,145	100%	